CÁC CƠ QUAN PHỤ TRÁCH CUỘC DI CƯ TỪ BẮC VÀO NAM Ở VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GENEVA 1954

TRỊNH VĂN VINH*

Cho đến nay, cuộc di cư từ Bắc vào Nam sau Hiệp định Geneva tháng 7 năm 1954 đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của rất nhiều sử gia trong và ngoài nước. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc giải thích nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của cuộc di cư, vai trò của Mĩ và Pháp trong cuộc di cư Vấn đề các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm mới chỉ được một vài tác giả đề cập lẻ tẻ, không mang tính hệ thống, thậm chí các cơ quan đã từng đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc di cư này chỉ được nhắc đến tên gọi của nó. Một trong những công trình tiêu biểu nhất đã đề cập đến 2 cơ quan phụ trách công cuộc di cư (gồm Ủy ban Hỗ trợ định cư của Giám mục Phạm Ngọc Chi và Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn của chính quyền Ngô Đình Diệm) đó là cuốn "Việt Nam 1945-1995 Chiến tranh -Tị nạn - Bài học lịch sử" của tác giả Lê Xuân Khoa (1). Công trình mới nhất nghiên cứu về cuộc di cư này là Luận án tiến sĩ Lịch sử của tác giả Nguyễn Thị Tuyết Thanh với đề tài "Cuộc di cư và định cư của đồng bào Công giáo miền Bắc sau Hiệp định Geneva (1954-1963)". Có thể do hạn chế về dung lượng nên tác giả chưa có nghiên cứu và thảo luận cụ thể về các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm. Bên cạnh đó, Ủy ban Hỗ trợ định cư đã được tác giả đề cập, tuy nhiên trong quan điểm của tác giả, Ủy ban Hỗ trợ định cư là một phận nằm trong cơ cấu tổ chức hành chính trong các trại định cư (2) là một điểm chưa hợp lí. Trên thực tế, Ủy ban Hỗ trợ định cư là tổ chức thuộc Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam, được lập ra dưới sự bảo trợ của chính quyền Ngô Đình Diệm do Giám mục Phạm Ngọc Chi đứng đầu, có vai trò giúp đỡ chính quyền trong công tác di cư và định cư của đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, chứ không phải là một bộ phận nằm trong cơ cấu hành chính của các trại định cư. Có thể tác giả đã nhầm lẫn Ủy ban Hỗ trợ định cư với Ủy ban định cư trại (là thành phần trực thuộc cơ cấu tổ chức hành chính của các trại định cư).

Nhìn chung, đề tài về các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm trong cuộc di cư từ Bắc vào Nam Việt Nam sau Hiệp định Geneva vẫn là một "khoảng trống" khoa học cần "lấp đầy" khi nghiên cứu về cuộc di cư này, cũng như khi nghiên cứu về lịch sử Việt Nam hiện đại. Kế thừa những thành quả của những học giả đi trước, dựa trên nguồn sử liệu gốc đang được lưu trữ tại

*TS. Trường Đại học Mở, Tp.Hồ Chí Minh

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tác giả cố gắng nghiên cứu vấn đề này một cách, đầy đủ và toàn diện, đồng thời rút ra một vài kết luận về các cơ quan phụ trách di cư và định cư này.

1. Khái lược về cuộc di cư từ Bắc vào Nam ở Việt Nam sau Hiệp định Geneva

Trước sự sa lầy và thất bại của thực dân Pháp ở Việt Nam, đế quốc Mĩ đã âm mưu hất cẳng Pháp ra khỏi Việt Nam, xây dựng miền Nam Việt Nam thành tiền đồn chống lại phong trào cách mạng ở Đông Nam Á, Mĩ đã dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đồng thời ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm phát động phong trào dụ dỗ và cưỡng bức đồng bào miền Bắc, đặc biệt là đồng bào Công giáo di cư vào miền Nam. Âm mưu hàng đầu của Mĩ là dựa vào đồng bào di cư này, nhất là dựa vào khối đồng bào Công giáo chống cộng sản làm cơ sở chính trị xã hội ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm, tạo ra sự cân bằng về dân số giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam, điều này sẽ đảm bảo cho một chiến thắng của Ngô Đình Diệm trong cuộc tổng tuyển cử hiệp thương giữa hai miền Nam Bắc theo quy định của Hiệp định Geneva (7-1954). Trong Công điện Số 77 của Dulles gửi Đại sứ quán Mỹ ở Paris ngày 7 - 7-1954 có đoạn: "Về quan điểm rằng Hồ Chí Minh sẽ chiến thắng bầu cử, chúng tôi không chỉ có bình luận nổi tiếng của Eisenhower rằng Hồ Chí Minh, ít nhất là vào năm 1954, sẽ thu hút được 80% số phiếu bầu, nhưng cũng là quan điểm riêng của Livingston Merchant (Bộ Ngoại Giao) rằng Hồ Chí Minh có khả năng là người chiến thắng (3).

Bên cạnh đó, Mĩ - Diệm còn nhằm đến nhiều âm mưu khác như tạo ra dư luận xấu về Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đảng Lao động Việt Nam, rút một lực lượng lớn lao động có tay nghề vào miền Nam, gây khó khăn cho việc khôi phục, phát triển kinh tế và ổn định trật tự xã hội ở miền Bắc. Sau đó, Ngô Đình Diệm còn âm mưu, với lực lượng đồng bào Công giáo đông đảo từ Bắc vào Nam sẽ tiến hành chính sách "Công giáo hóa miền Nam" (4). Theo quy định của Điều 14D, Hiệp định Geneva, nhân dân Việt Nam có quyền lựa chọn nơi sinh sống của mình kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Điều này khách quan tạo điều kiện thuận lợi để Cục Tình báo Trung ương Mĩ (CIA) và chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện âm mưu phát động, dụ dỗ và cưỡng bức đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, với trọng tâm là đồng bào Công giáo với chiêu bài "Đức Mẹ đã vào Nam".

Với sự hỗ trợ đắc lực của Cục Tình báo Trung ương Mĩ và quân đội Liên hiệp Pháp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành dụ dỗ và cưỡng bức nhân dân miền Bắc di cư vào miền Nam. Ngoài việc đồng bào tự di cư bằng phương tiện riêng của mình, khoảng hơn 10 vạn người (5) đã di cư vào Nam bằng hai con đường chính là: đường hàng không do quân đội Liên hiệp Pháp hỗ trợ, vận chuyển được khoảng 214 ngàn người (6) và bằng đường biển do hải quân Mĩ hỗ trợ hơn 310 ngàn người (7), tàu Pháp hỗ trợ 237 ngàn người (8). Tính đến tháng 12 năm 1956, số đồng bào miền Bắc di cư vào Nam lên tới 887.950 người (9). Trong cuộc di cư này, Chính phủ Pháp đã viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm 1.540 triệu đồng bạc Việt Nam, tương đương khoảng 15 tỷ Fran Pháp (10). Chính phủ Mĩ viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm thông qua Cơ quan viện trợ nước ngoài của Mĩ (United States Operations Mission, viết tắt là USOM) khoảng 1410.810.000 đồng bạc Việt Nam (11). Số viện trợ trên chưa bao gồm khoản chi phí khổng lồ mà Hải quân Mĩ đã chi cho việc vận chuyển đồng bào di cư từ Bắc vào Nam

trong Chương trình có tên gọi "Operation Passage to Freedom", cùng với 1200 sườn nhà trị giá 386.495 USD (12) do USOM và cộng đồng Thiên chúa giáo Hoa Kỳ viện trợ.

Trong cuộc di cư này, chính quyền Ngô Đình Diệm đã triển khai ba nhóm công tác chính gồm: di cư, tiếp cư và định cư. Trong đó, công tác định cư diễn ra tương đối muộn hơn so với di cư và tiếp cư. Công tác định cư được triển khai mạnh mẽ sau khi thời hạn di cư 300 ngày theo quy định của Hiệp định Geneva và kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực thi hành. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã tổ chức định cư cho hơn 88 vạn đồng bào di cư miền Bắc phân bố ở khắp các tỉnh miền Nam, trên tất cả các khu vực duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Cao Nguyên miền Nam. Tính đến tháng 9 năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lập được 302 trại định ở miền Nam (13), đến tháng 7 năm 1957 số trại định cư là 319, trong đó, Nam Phần (14) có 230 trại, Cao Nguyên miền Nam có 35 trại, Trung Việt có 64 trại (15). Kể từ tháng 6 năm 1956 đã có 227 trại định cư với khoảng 523.694 (16) người chiếm 79% tổng số đồng bào di cư miền Bắc được định cư ở miền Nam (17) được phê duyệt các dự án kiện toàn định cư (18). Con số các trại định cư được nhận dự án kiện toàn định cư vào tháng 9 năm 1956 là 293 trại với hơn 575 ngàn dân di cư miền Bắc, và tổng số tiền dành cho các dự án định cư là hơn 1027 triệu đồng bạc Việt Nam (19).

Như vậy, đến tháng 9 năm 1956, trong số trên 88 vạn đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, đã có hơn 57 vạn đồng bào được hưởng sự trợ giúp rất đáng kể về nhiều mặt từ nguồn viện trợ chủ yếu của Mĩ. Trong giai đoạn kiện toàn các trại định cư này, mỗi người định cư trong các trại chính thức do Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn (đại diện chính quyền Ngô Đình Diệm) lập ra hoặc công nhận sẽ được hưởng trợ giúp trung bình trị giá trên 1.781 đồng. Tính đến năm 1957, trong các trại định cư, đã có 184.744 căn nhà, 658 trường tiểu học, 18 trường trung học được xây cất (20); Từ tháng 7-1955 đến tháng 3-1956, có 178.056 mẫu ruộng trồng lúa và 107.234 mẫu đất trồng hoa màu đã được khẩn hoang, đã cấp cho các trại định cư được 1.027 con trâu, 53 con bò, 195 tấn phân bón, 12.760 gói hạt giống các loại (21).

Về căn bản, công cuộc định cư đồng bào miền Bắc di cư vào Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm hoàn thành vào giữa năm 1957. Ngày 16-12-1957, Ngô Đình Diệm ban hành Sắc lệnh số 524-TTP về việc chính thức chấm dứt hoạt động của Phủ Tổng ủy di cư Tị nạn vào ngày 31-12-1957, cũng là ngày hoàn thành Kế hoạch Di cư và định cư. Cơ quan thanh toán và cơ quan kiểm soát công việc của Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn còn lại sau ngày 31-12-1957 sẽ được gọi chung là Ban thanh toán Di cư thuộc Phủ Tổng ủy Dinh điền (22). Với sắc lệnh này, Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn chấm dứt hoạt động sau ngày 31-12-1957, do đó các cơ quan đại diện định cư tại Đô thành, đô thị và tỉnh cũng đương nhiên phải giải tán, và các trại định cư nào chưa làm lễ địa phương hóa cũng coi như chính thức địa phương hóa kể từ ngày 1-1-1958 (23).

2. Các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư trong cuộc di cư từ Bắc vào Nam sau Hiệp định Geneva

Chỉ 2 ngày sau khi Hiệp định Geneva được kí kết, ngày 23-7-1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra *Chỉ thị Di cư Bắc Việt* (24). Nhằm hiện thực hóa Kế hoạch này, chính quyền Ngô Đình Diệm đã chủ động thiết lập ra các cơ quan trực thuộc để phụ trách công cuộc di cư, bao gồm "Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương", Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương", "Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư", "Phủ Tổng ủy Di cư Tị

nạn", đồng thời bảo trợ cho Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam thành lập ra "Ủy ban Hỗ trợ định cư" để trợ giúp chính quyền Ngô Đình Diệm và đồng bào di cư mà trọng tâm là đồng bào Công giáo di cư và định cư.

2.1. Các cơ quan được thành lập trước sự thành lập Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn

Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương

Sau Hiệp định Geneva, "Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương" là tổ chức đầu tiên được Ngô Đình Diệm thành lập để chuyên phụ trách chỉ đạo công tác tản cư và di cư. Ủy ban này được thành lập theo Nghị định số 787-PTT/TTK ngày 23 tháng 7 năm 1954 Về việc Thành lập "Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương" (25) (Sau đây được gọi là Ủy ban). Theo Nghị định, thành phần của Ủy ban gồm có: Chủ tịch Ủy ban là Thủ tướng Chính phủ (hoặc đại diện); Hội viên kiêm Tổng Thư kí của Ủy ban là Tổng trưởng Bộ Y Tế và Xã hội; Các ủy viên bao gồm các Tổng trưởng và Bộ trưởng, Đại diện Ủy ban bảo vệ miền Bắc, Đại diện Chính phủ ở Trung Việt (hoặc người đại diện) (26).

Nhiệm vụ của Ủy ban là: "đặt kế hoạch tản cư, di cư, đón tiếp đồng bào miền Bắc, và Bắc Trung Việt di cư vào vùng chính phủ Quốc gia kiểm soát; đồng thời theo dõi sự thực hiện kế hoạch đó" (27).

Ủy ban này nằm dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ngô Đình Diệm để phụ trách công tác di cư và tản cư. Sau này, Ủy ban được gọi với tên mới là Hội đồng tối cao di cư tị nạn, nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ngô Đình Diệm.

Trên cơ sở nội dung của *Chỉ thị Di cư Bắc Việt* về những nguyên tắc di cư, tuyên truyền di cư, sự giúp đỡ của chính phủ đối với đồng bào di cư, phương tiện di cư, và việc thành lập Ủy ban và Tiểu ban phụ trách vấn đề di cư, Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương đã phối hợp với các cơ quan chính quyền xây dựng "*Kế hoạch Di cư Bắc Việt*" chi tiết hơn. Trong đó, định rõ thành phần và ưu tiên thành phần di cư, tổ chức di cư tại miền Bắc, tổ chức đón tiếp tại Hải Phòng, tổ chức di cư ở trên các tàu chở dân di cư vào Nam, tổ chức đón tiếp tại Sài Gòn, tổ chức phân tán đồng bào miền Bắc đã di cư vào Nam định cư tại các địa phương ở miền Nam, cũng như việc tuyên truyền ở miền Bắc và miền Nam (28).

Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương

Để triển khai công tác tản cư và di cư ở miền Bắc được thiết thực và hiệu quả hơn, tháng 8 năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thành lập "*Hội đồng di cư Bắc Việt*" (29). Đây là cơ quan thừa hành và thực hiện sự chỉ đạo trực tiếp của Ngô Đình Diệm.

Đến ngày 24-9-1954, theo Nghị định số 5781-VP/ĐD/ND đã sửa đổi điều IV của Nghị định số 5411-VP/DD/ND ngày 9-8-1954 về Thành phần của ủy ban địa phương, Hội đồng di cư Bắc Việt được đổi tên thành "*Hội đồng Di cư Trung ương*" (30). Đi song song và nằm dưới quyền điều khiển của "Hội đồng Di cư trung ương" còn có một "Hội đồng miền bể" đặt tại Hải Phòng (31). Đến ngày 11-2-1955, ông Lê Quang Luật đã kí một nghị định sửa đổi thành phần của Hội đồng Di cư Trung ương (32).

Thực chất, Hội đồng di cư Bắc Việt sau này là Hội đồng Di cư Trung ương đều là cơ quan có nhiệm vụ huấn luyện gián điệp, tổ chức hoạt động dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào di cư vào Nam. Được sự giúp đỡ và chỉ đạo của các điệp viên CIA, Hội đồng di cư Bắc Việt đã tổ chức các lớp huấn luyện gián điệp để hoạt động cưỡng ép và dụ dỗ di cư

tại Nhà thờ lớn Hải Phòng và các địa phương nơi quân Pháp còn chiếm đóng ở miền Bắc. Nguyễn Xuân Bình là một gián điệp đã từng tham gia lớp huấn luyện đó, khi bị Công an bắt đã khai rằng: "Những người vào học ở đây đều phải do sự chọn lựa của người trong Hội đồng Di cư ở Hải Phòng. Chúng lấy tên là "Lớp huấn luyện liên lạc cứu tế Nghệ - Tĩnh - Bình (Nghệ An-Hà Tĩnh và Quảng Bình)" (33). Nhưng mục đích thực sự là: "1) Về các địa phương tổ chức việc cưỡng ép di cư; 2) Tuyên truyền xuyên tạc để vu khống chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngăn cản tự do đi lại vi phạm Hiệp định Geneva" (34). Cùng khóa đào tạo với Nguyễn Xuân Bình có 150 người ở các địa phận Thanh Hóa, Bùi Chu, Phát Diệm, Vinh, Hà Nội. Trước khi Nguyễn Xuân Bình học, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đào tạo được nhiều khóa như thế, mỗi khóa từ 50-70 người để làm gián điệp. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, các điệp viên được cử về các địa phương ở miền Bắc câu kết chặt chẽ với bọn phản động đội lốt cha cố và cường hào gian ác để thực hiện âm mưu dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân và giáo dân miền Bắc di cư. Tất cả các vụ dụ dỗ và cưỡng ép di cư ở các tỉnh miền Bắc trong thời kì này như Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình, Ninh Bình, Nam Định đều là kết quả của sự câu kết chặt chẽ giữa những điệp viên và tay chân của chính quyền Ngô Đình Diệm với các cha cố phản động được thực hiện dưới sự trợ giúp đắc lực của quân đội Pháp. Điều này được chứng minh qua lời khai của các điệp viên và những cha cố phản động bị công an bắt giữ (35).

Đồng thời, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng di cư Bắc Việt, một kế hoạch di cư tổng quát ở miền Bắc được ấn định với 3 thời kì: "*Thời kì thứ nhất*: Chấn chỉnh sự giúp đỡ các đồng bào ở các tỉnh tản cư về và đưa một số lớn đồng bào ra đi để cho Hà Nội và Hải Phòng vơi bớt người. Mục đích là đưa đi một số lớn để tạo áp lực với những người còn ở lại. *Thời kì thứ hai*: Khi đã đưa người đi được và phố xá bắt đầu vắng, tích cực tuyên truyền chính thức, vì dân chúng đã bắt đầu tin tưởng. Hiện giờ *tuyên truyền ngầm* có hiệu quả hơn, tuyên truyền chính thức giữ vài trò phụ. Đến thời kì thứ hai tuyên truyền chính thức sẽ giữ vai trò chính. Theo chỗ dò xét của chúng tôi, dân chúng Hà Nội cũng sẽ đi rất đông. Nên Hải Phòng cũng vậy, nhưng vì Hải Phòng còn nhiều thời gian hơn chắc dân Hải Phòng ở lại đến tháng cuối cùng. *Thời kì thứ ba*: *Dùng hết mọi mánh khóe* lôi kéo dân chúng ở các miền phụ cận" (36).

Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư

Trên thực tế, nguồn kinh phí phục vụ cho công cuộc di cư này của chính quyền Ngô Đình Diệm đều từ nguồn viện trợ của Mĩ, Pháp và cộng đồng Thiên chúa giáo quốc tế. Trước tháng 10 năm 1954, chi phí di cư đều được lấy từ ngân khoản Chương trình viện trợ kinh tế Mĩ VI-VP-6 do Sở Xã hội Bắc Việt trực tiếp quản lí và chi (37). Thực tế nguồn tài chính dành cho công cuộc di cư này luôn trong tình trạng thiếu hụt, do vậy, ngày 19-7-1954, Thủ hiến Nam Việt đã ban hành Nghị định số 2561-HCSV về việc thành lập "Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư" (38) (sau đây được gọi là Ban Cứu trợ, có trụ sở tại số 40 Đường Kháng Chiến, Chợ Lớn, Đô Thành Sài Gòn Chợ Lớn).

Theo Nghị định thành lập Ban Cứu trợ được phép tổ chức trên toàn lãnh thổ Việt Nam một cuộc lạc quyên lấy tiền, thực phẩm và vật dụng để giúp đồng bào miền Bắc di cư. Ngày chấm dứt lạc quyên sẽ chỉ định bằng một nghị định sau (39). Ban Cứu

trợ chỉ được "dùng những sổ lưu chiếu có ghi số trang và chữ kí ở mỗi trang của ông Đô trưởng Sài Gòn Chợ Lớn để lạc quyên trong đô thành và của tỉnh trưởng sở tại để lạc quyên trong tỉnh ấy" (40).

Sau khi thành lập, Ban Cứu trợ đã triển khai các cuộc lạc quyên, "phân người đi khắp đô thành và các tỉnh để quyên tiền, gạo, muối, áo quần; tổ chức những buổi hát dạ hội, biểu diễn thể thao, bán đấu giá, tóm lại là các cuộc vui chơi lấy tiền làm nghĩa" (41).

2.2. Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn

Sự ra đời

Cùng với tiến trình cuộc di cư, đồng bào miền Bắc ồ ạt di cư vào Nam, các yêu cầu về chỉ đạo, tổ chức và thực hiện các công tác liên quan đến di cư, tiếp tế và định cư mỗi ngày một bức thiết, phức tạp và to lớn hơn, các cơ quan đã được chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập như Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương, Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương, Ban cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư không đủ năng lực phụ trách các công tác liên quan đến dân di cư miền Bắc (42). Tình hình đó đòi hỏi phải có một cơ quan chuyên môn chuyên phụ trách các vấn đề này. Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn ra đời là để đáp ứng các yêu cầu của tình hình mới đó.

Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn (Phủ TUDCTN) được thành lập theo Sắc lệnh số 85-CP ngày 17-9-1954 về thành lập Phủ Tổng ủy Di cư của chính quyền Ngô Đình Diệm và Nghị định số 928-NV ngày 17-9-1954 ấn định việc tổ chức và điều hành Phủ TUDCTN (43). Theo đó, Phủ TUDCTN là một cơ quan ngang Bộ trực thuộc Phủ Thủ tướng.

Thành phần nhân sự của Phủ TUDCTN khi mới thành lập bao gồm: ông Ngô Ngọc Đối làm Tổng ủy trưởng; ông Nguyễn Ngọc An làm Đổng lý văn phòng; ông Nguyễn Lưu Viên làm Tổng ủy phó; ông Nguyễn Thanh Diệu làm Giám đốc định cư; ông Lê Văn Trà làm Giám đốc tài chính; ông Nguyễn Văn Thụ làm Tổng thanh tra; ông Hoàng Văn Thận làm Kỹ sư Công chánh; ông Đỗ Trọng Chu làm Công cán ủy viên; ông Trần Phước Lộc làm Chánh sở Tiếp cư; ông Nguyễn Công Phú làm Chánh sở Chuyển vận; ông Đỗ Đức Trí làm Thông dịch viên; Trung tá Bùi Văn Hai làm Sỹ quan liên lạc của Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Tại Điều 8 đoạn 2 của Nghị định số 928-NV ngày 17-9-1954 của Thủ tướng Chính phủ về Tổ chức Phủ TUDCTN cũng quy định rằng "Những tỉnh trưởng tại Bắc và Trung Việt đều là đại diện của Tổng ủy trưởng tại các tỉnh. Riêng về phần Nam Việt thì Tổng ủy trưởng sẽ tự đảm nhiệm lấy mọi việc không có các đại diện tại các tỉnh" (47). Chế độ các vị tỉnh trưởng là đại diện của Phủ TDCTN tại các tỉnh từ vĩ tuyến 17 trở ra chỉ tồn tại trong khoảng thời gian 300 ngày, và đến tháng 7 năm 1955, về cơ bản chế độ này tự giải thể.

Chức năng nhiệm vụ

Theo *Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp* do Phủ TUDCTN ban hành, "Phủ TUDCTN là một cơ quan lâm thời thiết lập (9-1954) lên để đối phó với một tình hình trạng mới và khẩn trương gây nên sau khi kí Hiệp định Geneva: Việc di cư đồng bào vĩ tuyến 17.

Nhiệm vụ của Phủ TUDCTN là chuyên chở dân di cư từ phía Bắc Vĩ tuyến 17 vào vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát, tiếp tế cho họ trong những ngày đầu, phân phối cho họ định cư tại các địa điểm đã được lựa chọn nâng đỡ họ về mọi phương diện để họ xây dựng lại đời sống mới, dần dần tiến tới

tự lực mưu sinh và hòa mình vào đời sống bình thường của dân địa phương" (45).

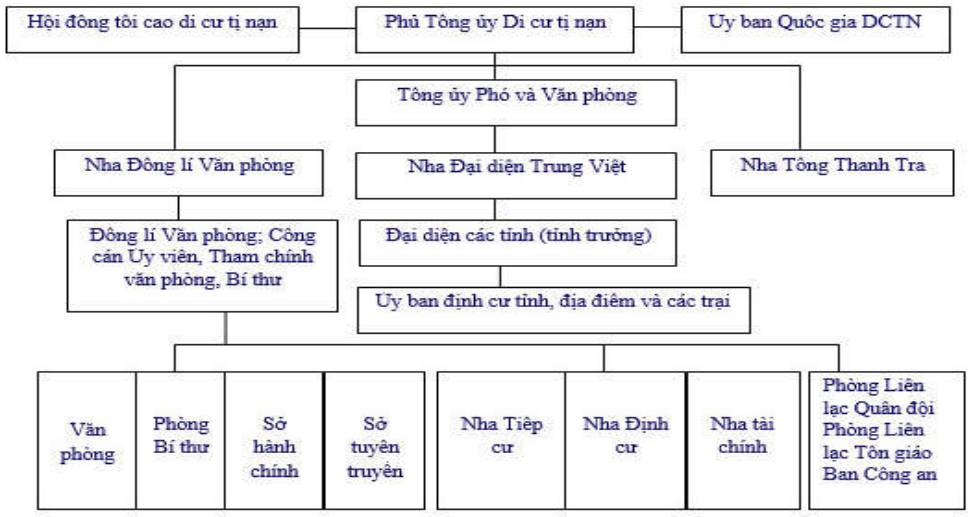
Các giai đoạn phát triển của Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn

Trước ngày 17-9-1955: tại thời điểm thành lập, theo tài liệu của Cao ủy Pháp ở Đông Dương, "ông Ngô Ngọc Đối được cử giữ chức Tổng ủy Trưởng Di cư Tị nạn chính thức nhận việc từ ngày 27-8-1954. Theo tài liệu của Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, tài liệu này không ghi số Nghị định thành lập và cũng không có danh sách thành phần nhân sự Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, nhưng cho biết Phủ này gồm có 5 Nha: Nha Đổng Lý Văn phòng (Văn phòng, Phòng Bí thư, Sở Hành chánh, Sở Tuyên truyền), Nha Tổng Thanh tra, Nha Tiếp Cư (Sở Chuyển vận, Sở Tiếp cư, Sở y tế Di cư, Sở Kiểm tra), Nha Định Cư (Sở Kế hoạch, Sở Tiếp liệu, Sở Y tế Xã hội), và Nha Tài chánh sự vụ (Sở Kế toán tổng quát, Sở Tiếp trợ) (46). Trong giai đoạn này, cơ cấu tổ chức của Phủ TUDCTN được thể hiện thông qua sơ đồ 1.

Trong sơ đồ 1, Sở hành Chính gồm có: Phòng Văn Thư, Phòng Nhân viên-kế toán-lương bổng-vật liệu; Nha Tiếp cư gồm: Chuyển vận, Tiếp cư, Y tế di cư, Kiểm tra; Nha Định cư gồm các Sở: Kế hoạch, Tiếp liệu, Y tế xã hội; Nha tài chính gồm: Sở kế toán; Sở tiếp trợ di cư (47).

Như vậy, Phủ TUDCTN là cơ quan ngang Bộ chịu sự quản lí và điều hành trực tiếp của Hội đồng tối cao di cư tị nạn cũng như Ủy ban Quốc gia di cư tị nạn do Ngô Đình Diệm trực tiếp điều hành. Từ ngày thành lập cho đến trước ngày 17-9-1955, Phủ TUDCTN đã trải qua 3 đời Tổng ủy trưởng. Đầu tiên là ông Ngô Ngọc Đối, người kế nhiệm là bác sĩ Phạm Văn Huyến. Sau đó, theo Sắc lệnh số 170-CP ngày 17-5-1955 của Ngô Đình Diệm đã bổ nhiệm ông Bùi Văn Lương giữ chức Tổng ủy viên phụ trách đồng bào tỵ nạn. Phủ TUDCTN là một cơ quan chuyên phụ trách toàn diện, trực tiếp vấn đề di cư (bao gồm: tổ chức di cư, tiếp cư, định cư) của chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm của Phủ TUDCTN trong giai đoạn này chủ yếu là vấn đề tổ chức di cư, tiếp đón và tiếp cư cho đồng bào miền Bắc di cư vào

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Phủ TUDCTN trước ngày 17-9-1955



Nguồn: Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn trước ngày 17/9/1955, Mã số hồ sơ : Phủ TUDCTN/16

Nam. Còn sau ngày 17-9-1955, khi công tác di cư về căn bản đã hoàn tất, Phủ TUDCTN chủ yếu phụ trách vấn đề định cư.

Sau ngày 17-9-1955: Đến tháng 9-1955, công cuộc di chuyển đồng bào Bắc vĩ tuyến 17 có thể coi như đã chấm dứt, về địa hạt định cư thì có non một triệu dân di cư - trừ một số tối thiểu mới vào sau này còn tạm trú tại các trại tiếp cư ở một số nơi khác đều đã được định cư dưới hình thức này hay hình thức khác. Hơn 2/3 định cư tại các trại chính thức. Còn gần 1/3 là binh sĩ và gia đình họ, các đồng bào tự động định cư tại các trại chưa chính thức công nhận hoặc lẻ tẻ tại các đô thị. Số này phần đông thuộc giới công chức, thương mại, kĩ nghệ, nghề tự do, thợ thuyền

Vì vậy, trọng tâm công tác của Phủ TUDCTN là kiện toàn và hợp lí hóa các trại hiện hữu, nghĩa là phạm vi hành động của Phủ TUDCTN hoàn toàn chuyển hướng về công cuộc định cư địa phương. Muốn đạt tới những mục tiêu như trên, lẽ tất nhiên sự tổ chức của Phủ TUDCTN cũng như việc định cư không thể để nguyên như hiện tại được mà phải cải thiện một cách hợp lí và thực tế hơn.

Việc cải thiện guồng máy của Phủ TUDCTN nhằm mục đích gần dân, hiểu dân để phục vụ dân một cách đắc lực và hiệu quả hơn, sẽ được thực hiện bằng cách thu hẹp phạm vi hoạt động ở trung ương và bành trướng về các địa phương, với sự phân quyền cho các cơ quan địa phương thuộc Phủ TUDCTN.

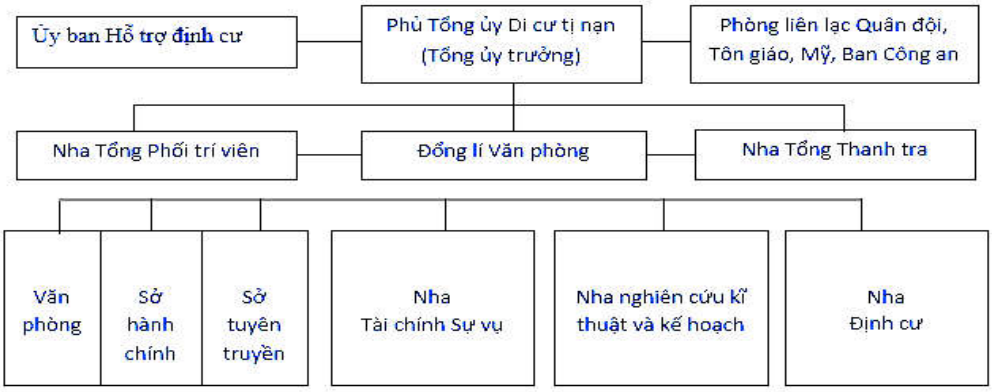
Đồng thời việc định cư cũng sẽ tổ chức trên những dự án, nghĩa là với những chương trình hoạt động đã được sửa soạn kĩ càng tỉ mỉ, nhờ đó các trại định cư được xếp đặt lại một cách hợp lí và nhất định" (48).

Đứng trước yêu cầu của công tác định cư đồng bào miền Bắc đã di cư vào Nam tại các địa phương miền Nam, trong cơ cấu tổ chức của Phủ TUDCTN đã có sự thay đổi theo hướng đáp ứng yêu cầu trên, đồng thời thu hẹp phạm vi hoạt động ở trung ương và bành trướng về các địa phương, với sự phân quyền cho các cơ quan địa phương thuộc Phủ TUDCTN. Điều này được thể hiện rất rõ qua sơ đồ 2 (49).

So sánh với cơ cấu tổ chức của Phủ TUDCTN trước ngày 17-9-1954 chúng ta nhận thấy, bộ máy của nó đã được tinh gọn, lệnh từ Tổng ủy Trưởng ban xuống đến đơn vị chuyên môn (như: Văn phòng, Sở hành chính, Sở tuyên truyền, Nha Tài chính sự vụ, Nha nghiên cứu kĩ thuật và kế hoạch và Nha Định cư) chỉ còn đi qua đồng thời 3 bộ phận: Nha Tổng Phối trí viên, Đổng lí văn phòng và Nha Tổng thanh tra. Còn các bộ phận như Nha đại diện Trung Việt, Đại diện các tỉnh (tỉnh trưởng), Ủy ban định cư tỉnh, địa điểm và các trại đều được giải thể. Điểm nổi bật sau ngày 17-9-1954, là Ủy ban Hỗ trợ định cư một tổ chức thuộc Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam trở thành cơ quan phối hợp trực tiếp của Phủ TUDCTN. Trước đây, nếu như Phòng Liên lạc Quân đội, Tôn giáo, Mỹ, Ban công an là cơ quan trực thuộc của Phủ TUDCTN, thì sau ngày 17-9-1954, Phòng này lại trở thành cơ quan phối hợp của Phủ TUDCTN mà thôi, vì trước đây, công việc vận chuyển đồng bào di cư từ miền Bắc vào miền Nam cần có sự giúp đỡ trực tiếp và to lớn của bộ phận này, còn giờ đây, công tác định cư đồng bào di cư tại các trại ở các địa phương miền Nam là trọng tâm.

Một trong những điểm quan trọng hơn trong cơ cấu tổ chức của Phủ TUDCTN sau ngày 17-9-1954 đó là sự ra đời của *Ty đại*

Sơ đồ 2: Sơ đồ Phủ TUDCTN sau ngày 17-9-1955



Nguồn: Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn sau ngày 17/9/1955, Mã số hồ sơ: Phủ TUDCTN/16

diện tỉnh của Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn ở các tỉnh.

Ty đại diện tỉnh của Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn

Sự ra đời: Khi thành lập Phủ TUDCTN, vì yêu cầu công việc cấp bách của công tác di cư tiếp cư cho đồng bào miền Bắc di cư vào Nam nên các tỉnh trưởng ở Bắc và Trung Việt là đại diện cho Phủ TUDCTN trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến di cư và tiếp cư. Nhưng sau ngày 17-9-1955, công tác định cư đồng bào miền Bắc đã di cư vào Nam trở thành trọng tâm quan trọng hơn cả. Theo tài liệu của Phủ TUDCTN, công việc định cư ngày thêm quan trọng, dù các vị tỉnh trưởng sở quan có thiện chí đến đâu cũng không thể giúp đỡ một cách chu đáo và giải quyết một cách mau chóng các vấn đề phức tạp và khẩn cấp của công cuộc định cư trong tỉnh mình ngoài những nhiệm vụ chính của các vị đó. Huống hồ tại miền Nam, tình trạng gay go hơn mà Phủ TUDCTN lại không có đại diện ở các tỉnh. Vì vậy điểm đó cần được bổ khuyết và các Ty đại diện tỉnh của Phủ TUDCTN được tổ chức một cách chu đáo hơn. Theo quy tắc việc tổ chức mới này các tỉnh sẽ đặt một Ty Đại diện Phủ TUDCTN bên cạnh Tòa tỉnh trưởng để làm việc trực tiếp với các trại định cư với sự dẫn dụ của Tỉnh trưởng và sự liên lạc mật thiết với các cơ quan chính quyền địa phương (50).

Về nguyên tắc, mỗi tỉnh ở phía Nam vĩ tuyến 17, nơi nào có vấn đề định cư sẽ đặt một Ty Đại diện gọi là Ty Đại Diện tỉnh của Phủ TUDCTN Trụ Sở của Ty sẽ thiết lập tại Tỉnh lị để liên lạc với các tỉnh trưởng, các vị chánh sự vụ hoặc Trưởng ty các sở quan tỉnh.

Ty Đại diện theo nguyên tắc sẽ trực thuộc Phủ TUDCTN nhưng về phương diện thực tế sẽ làm việc với sự dẫn dụ của tỉnh trưởng sở quan và liên lạc chặt chẽ, mật thiết với tất cả các cơ quan địa phương hành chính cũng như chuyên môn (51).

Nhiệm vụ: Ty đại diện có nhiệm vụ cụ thể như sau: Thi hành quyết định của UBĐC tỉnh; lập những dự án; xúc tiến việc thực hiện các dự án; làm những công việc thường xuyên thuộc dân di cư; hoàn tất các việc thi hành những dự án đã được duyệt y; đẩy mạnh việc làm cho dân di cư chóng tự túc để hòa mình vào đời sống bình thường của dân địa phương; ngoài ra, Ty đại diện nên tìm mọi biện pháp để khích lệ nâng đỡ đồng bào di cư mau tiến tới bước đường tự

lập. Vì nếu phong trào này được lan rộng lẽ tất nhiên công cuộc định cư sẽ chóng hoàn thành một cách tốt đẹp (52).

Cơ cấu tổ chức: Bao gồm Vị đại diện tỉnh, nhân viên, và các bộ phận chức năng, trong đó: Đối với vị đại diện tỉnh, mỗi Ty đại diện sẽ có một vị đại diện điều khiển. Vị này sẽ do ông Tổng ủy Trưởng lựa chọn và điều động trong những nhân viên cao cấp thuộc Phủ TUDCTN với sự thỏa hiệp của Ông Tỉnh trưởng sở quan. Nhiệm vụ của vị đại diện rất quan trọng về phương diện định cư trong tỉnh, và làm cầu nối giữa tỉnh với Phủ TUDCTN trong công cuộc định cư tại tỉnh. Vị này phải chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề đã quyết định trong ủy ban định cư tỉnh và phải am tường mọi góc cạnh của vấn đề định cư (53).

Đối với nhân viên, mỗi Ty có một số nhân viên cần thiết nhiều hay ít tùy thuộc vào nhu cầu của từng tỉnh. Tại tỉnh nào vấn đề định cư khó khăn phức tạp nhất, ty đó sẽ có một số nhân viên chuyên môn kĩ thuật và hành chính địa phương cũng như những ban điều tra nghiên cứu. Còn những tỉnh nào số dân di cư không quan trọng số nhân viên có thể thu hẹp vào một mức tối thiểu. Vị đại diện có thể một mình trông coi cả mọi việc. Những nhân viên ty đại diện cũng sẽ do ông Tổng ủy Trưởng cử trong số nhân viên thuộc Phủ TUDCTN và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với Phủ TUDCTN (54).

Các bộ phận chức năng, bao gồm Tổ chức hành chính, gồm có Ban Kế toán, Ban quản lí quỹ tạm ứng, ban nhân viên, ban vận chuyển, Ban công văn và lưu trữ công văn; bộ phận kế hoạch và một Ban thực hành để thực hiên các dự án đã được chấp thuận; một số nhân viên chuyên môn: dưới sự điều khiển của một ủy viên Kế hoạch để lập những dự án hợp lí hóa các trại định cư; ủy viên định cư; ủy ban định cư hay Ban quản trị trại.

Thành phần của Ủy ban định cư trại hiện chưa được thống nhất, hầu hết các ủy ban này đều đặt dưới sự lãnh đạo tinh thần của các vị linh mục (55). Trên thực tế, hầu hết các trại định cư Thiên chúa giáo đều do các vị linh mục đứng ra lãnh đạo.

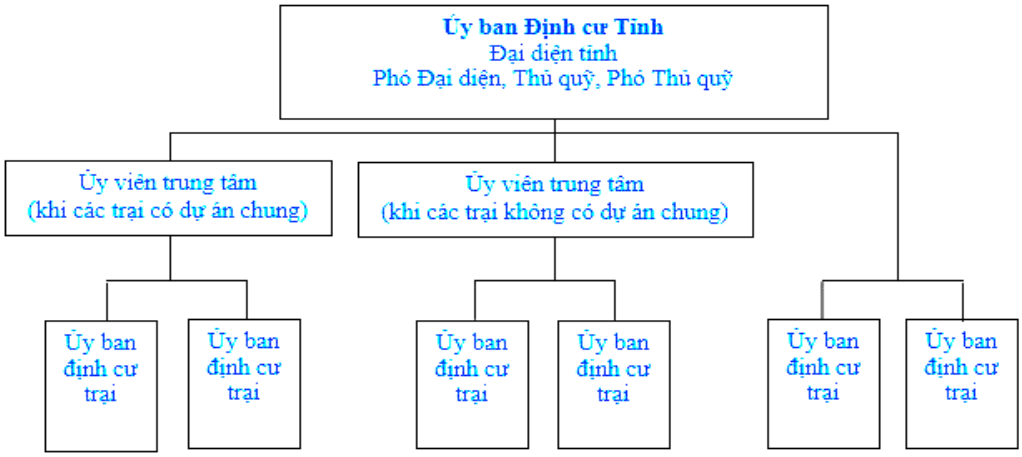
Như vậy, nhìn vào cơ cấu và thành phần của Ty Đại diện tỉnh của Phủ TUDCTN chúng ta có thể nhận thấy, Ty Đại diện tỉnh thực chất là một bộ máy thu nhỏ của Phủ TUDCTN được thiết lập tại các địa phương cấp tỉnh ở Nam vĩ tuyến 17, đặc biệt là các địa phương có đông đồng bào di cư miền Bắc định cư. Các Ty Đại diện tỉnh sẽ là cơ quan thay mặt Phủ TUDCTN phối hợp và giải quyết trực tiếp công tác định cư đồng bào miền Bắc ở các địa phương miền Nam. Điều này sẽ cho phép công tác định cư được thuận lợi, nhất là mục tiêu của công cuộc định cư là giúp đỡ đồng bào di cư miền Bắc sớm hòa nhập và trở thành một bộ phận cư dân địa phương.

Ở thời điểm khi mới ra đời, Ty Đại diện tỉnh "mới được thành lập ở 5 tỉnh là: Biên Hòa, Gia Định, Tây Ninh, Mĩ Tho, Chợ Lớn và Bình Thuận là những nơi dân số định cư đông đúc hơn cả. Ở những tỉnh khác, dân di cư còn ít, Ty Đại Diện tỉnh cũng bớt phần quan trọng (56).

Bên cạnh việc lập ra Ty đại diện Phủ TUDCTN ở các tỉnh, chính quyền Ngô Đình Diệm còn lập ra *Ủy ban Định cư tỉnh* để cùng phối hợp với các tỉnh trong công tác định cư tại tỉnh (57). Cơ cấu và thành phần của Ủy ban này được thể hiện qua sơ đồ 3.

Đại diện tỉnh của Phủ TUDCTN là người đứng đầu Ty đại diện và cũng là người đứng đầu Ủy ban Định cư Tỉnh. Chức năng của Ủy ban này là cơ quan phối hợp với hệ thống chính trị hành chính của

Sơ đồ 3: Ủy ban Định cư tỉnh



Nguồn: Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ Ủy Ban định cư Tỉnh, Mã số hồ sơ : Phủ TUDCTN/16

tỉnh sở tại để xây dựng và quyết định các kế hoạch định cư đồng bào miền Bắc di cư ở phạm vi tỉnh mình phụ trách. Trong quan hệ với Ty đại diện của Phủ TUDCTN, Ủy ban Định cư tỉnh là cơ quan vừa lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm soát công tác định cư trong tỉnh (58).

2.3. Ủy ban Hỗ trợ Định cư

Song song với việc thành lập các cơ quan phụ trách công tác di cư và định cư thuộc hệ thống chính quyền, đồng thời với mục tiêu dụ dỗ và cưỡng bức đồng bào Công giáo miền Bắc di cư vào Nam càng nhiều càng tốt, chính quyền Ngô Đình Diệm đã bảo trợ cho Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam thành lập Ủy ban Hỗ trợ Định cư vào ngày 1-9-1954, do Giám mục Phạm Ngọc Chi phụ trách. Hệ thống tổ chức của Ủy ban Hỗ trợ Định cư dựa theo hệ thống tổ chức Công giáo trong nước.

Nhiệm vụ của Ủy ban này được xác định như sau: *Về đối nội*, có Ủy ban chuyên lo các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần và đạo đức của dân chúng, đồng bào mới đến, cất thánh đường, tổ chức hoạt động tôn giáo, mở các trường học Công giáo, các trại và trợ cấp bằng tiền xin được tại các nước có Công giáo. Giúp đỡ chính phủ lập trại định cư: Ủy ban phái các linh mục, mỗi vị nhận một số người không phân biệt lương, giáo dẫn đến nơi rừng rậm, đồng lầy, để khai sơn phá thạch, đắp đường, cất nhà, lập trại,... lăn lộn chung sống với đồng bào không từ gian khổ. Giúp đỡ Phủ TUDCTN giữ trật tự trong các trại cũng như cấp phát tiền, gạo, thuốc men, hướng dẫn tinh thần đồng bào (59). *Về đối ngoại,* Ủy ban liên kết chặt chẽ với các tổ chức phúc thiện Công giáo của các nước bạn, gây một phong trào ủng hộ mạnh về tinh thần và vật chất cho đồng bào di cư tại Việt Nam (60). Đồng thời Ủy ban còn là một tổ chức bênh vực quyền lợi của người di cư. Trên thực tế, các linh mục đã có đóng góp quan trọng trong việc hướng dẫn đồng bào di cư đến các vùng dinh điền dựng lán trại tạm trú, bắt thăm nhận đất, tổ chức định cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự, tổ chức sinh hoạt tôn giáo... hoạt động tôn giáo đan xen với hoạt động chính trị xã hội. Giáo hội Công giáo được chính quyền Ngô Đình Diệm xem trọng. Chính

quyền được sự hỗ trợ của giáo quyền, chính quyền đề cao và ủng hộ giáo quyền. Niềm tin tôn giáo và sự biết ơn của người tín đồ đối với các linh mục, những người đã giúp đỡ họ trong quá trình di cư đến vùng đất mới và tổ chức định cư, bước đầu ổn định đời sống, là những yếu tố cộng hưởng giúp cho Công giáo có được một vị trí quan trọng đặc biệt trong đời sống tinh thần và vật chất của đồng bào di cư. Nhìn chung, vai trò tổ chức quản lý của các vị linh mục trong các trại định cư rất lớn. Đồng bào Công giáo định cư tại miền Nam thuộc nhiều giáo xứ, mỗi giáo xứ được tổ chức thành trại định cư, việc điều hành trại định cư do một ủy ban định cư trại đảm nhiệm, bao gồm: linh mục Chánh xứ (Chủ tịch) và hai đại diện do đồng bào bầu lên (ủy viên) (61).

Thực chất đây là tổ chức Thiên chúa giáo Việt Nam, làm cầu nối với Thiên chúa giáo nước ngoài để giúp đỡ ủng hộ dân di cư miền Bắc nói chung và dân di cư miền Bắc là người Công giáo di cư vào Nam nói riêng. Do đó, trong quá trình diễn ra cuộc di cư từ Bắc vào Nam, Giám mục Phạm Ngọc Chi đã ra lời kêu gọi các thế lực Thiên chúa giáo quốc tế giúp đỡ giáo dân miền Bắc di cư. Đáp lời kêu gọi của Ủy ban Hỗ trợ Định cư, nhiều tổ chức Công giáo trên thế giới đã nhiệt thành gửi tiền và phẩm vật cứu trợ.

Nhờ có sự giúp đỡ này cùng với sự trợ lực của Chính phủ, Ủy ban Hỗ trợ Định cư đã giúp thiết lập được trên 300 trại định cư, xây cất hàng trăm nhà thờ và trường học, cung cấp các dịch vụ cho người tị nạn không phân biệt tôn giáo. Sau hơn hai năm hoạt động, Ủy ban Hỗ trợ Định cư đã gây được cơ sở vững chãi cho các trại định cư. Ngay cả sau khi Ủy ban này đã chính thức giải tán vào cuối năm 1957, các linh mục trưởng trại cùng nhiều cán bộ trại vẫn tiếp tục thực hiện các chương trình văn hoá, giáo dục và phát triển xã hội trong các trại (62). Theo tài liệu "Sổ các làng định cư" do Văn phòng Ủy ban Hỗ trợ Định cư ấn hành, tính đến tháng 9 năm 1955, số lượng các làng định cư ở Nam Vĩ tuyến 17 đạt 286 làng, trong đó có 265 làng Công giáo, 18 làng Phật giáo và 3 làng Tin lành, với tổng số dân đã định cư là 783.206 người. Bên cạnh đó, với cầu nối là Giáo hội Thiên chúa Việt Nam thông qua Ủy ban Hỗ trợ định cư, đa phần các làng định cư Công giáo đều nhận được sự thừa nhận của Ủy ban Cứu tế Công giáo Quốc tế ở Rome, cũng như sự đỡ đầu của cộng đồng Thiên chúa giáo phương Tây (63).

3. Kết luận

Để hiện thực hóa mục tiêu tổ chức dụ dỗ và cưỡng bức được càng nhiều người, đặc biệt là tín đồ Thiên chúa giáo từ miền Bắc di cư vào Nam, làm chỗ dựa chính trị xã hội cho chế độ của mình, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiến hành xây dựng các cơ quan chuyên môn chuyên phụ trách công tác tản cư, tiếp tế, di cư và định cư cho đồng bào miền Bắc di cư vào Nam.

Ban đầu, ngay sau khi Hiệp định Geneva 1954 được kí kết và có hiệu lực thi hành, trước các thủ đoạn dụ dỗ và cưỡng bức di cư của Mĩ - Diệm, đồng bào miền Bắc đã ồ ạt di cư từ các vùng do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiểm soát sang vùng do quân Pháp và chính quyền tay sai kiểm soát. Lúc này, trọng tâm của công cuộc di cư của chính quyền Diệm tập trung ở miền Bắc Việt Nam, đồng thời, việc dụ dỗ và cưỡng bức đồng bào miền Bắc di cư vào Nam với trọng tâm hướng đến là đồng bào Công giáo, do vậy, các tổ chức phụ trách các công tác này đã được chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng thành lập. Trước hết là Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương, Hội đồng di cư Bắc Việt

và Hội đồng di cư Trung ương là những cơ quan ban đầu phụ trách các công tác liên quan đến dụ dỗ và cưỡng bức di cư, duy chỉ có Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư mang tính chất của một cơ quan phụ trách việc lạc quyên giúp đỡ đồng bào miền Bắc tản cư và di cư.

Sau đó, sự gia tăng mạnh mẽ của dòng người di cư từ Bắc vào Nam, cuộc di cư tiến triển một cách toàn diện ở tất cả các khâu: từ dụ dỗ và cưỡng bức, tản cư và tạm cư ở miền Bắc (64), đến việc vận chuyển dân di cư từ Bắc vào Nam, tiếp tế và đón tiếp đồng bào di cư miền Bắc ở các trại tạm cư miền Nam, sau đó là việc phân bổ dân di cư đi các địa phương và cuối cùng là triển khai công tác định cư cho đồng bào di cư để giúp họ hòa nhập vào đời sống mới ở miền Nam tất cả công việc kể trên đặt ra yêu cầu cần phải có một cơ quan chuyên trách có đầy đủ điều kiện về năng lực, trình độ tổ chức, quản lí cũng như nhân sự mới có thể đảm đương và giải quyết tốt những yêu cầu to lớn, phức tạp và gấp gáp do cuộc di cư đặt ra. Từ đó, chính quyền Ngô Đình Diệm đã phải thành lập một cơ quan ngang Bộ trong nội các của mình đó là Phủ TUDCTN.

Như vậy, các cơ quan ra đời trong khoảng tháng 7 và tháng 8 năm 1954 như Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương, Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương chủ yếu chỉ phụ trách các công tác dụ dỗ cưỡng bức đồng bào miền Bắc di cư vào Nam mà trước hết là từ vùng do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiểm soát sang vùng quân Pháp và chính quyền tay sai kiểm soát, rồi triển khai việc tản cư và tiếp cư ở các trại tập trung dân di cư để chuẩn bị di cư vào Nam. Hầu hết các công tác này được thực hiện ở Bắc vĩ tuyến 17. Sau đó, khi Phủ TUDCTN ra đời, tất cả các công việc liên quan đến dân di cư: tản cư, vận chuyển dân di cư, tiếp tế, tạm cư và định cư được triển khai đồng thời ở cả hai miền Nam Bắc và đều do Phủ TUDCTN phụ trách. Trong đó, thời kì trước ngày 17-9-1955, trọng tâm công tác của Phủ TUDCTN tập trung vào công tác vận chuyển dân di cư từ Bắc vào Nam, cũng như các công tác liên quan đến tiếp tế và tạm cư cho dân di cư ở cả hai miền Nam, Bắc cũng như trên đường di cư từ Bắc vào Nam. Thời kì từ sau ngày 17-9-1955 trở đi, theo quy định của Hiệp định Geneva, nhân dân Việt Nam được tự do di chuyển giữa hai miền Nam và Bắc vĩ tuyến 17 trong vòng 300 ngày kể từ ngày Hiệp định Geneva có hiệu lực, vì vậy, về căn bản thời hạn di cư lúc này đã hết, công tác tổ chức định cư cho dân di cư miền Bắc ở các địa phương miền Nam trở thành công việc trọng tâm của Phủ TUDCTN.

Nếu xét về vai trò của các cơ quan phụ trách công cuộc di cư của chính quyền Ngô Đình Diệm, chúng ta khó có thể đánh giá vai trò của các cơ quan như Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương, Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương là to lớn và quan trọng hơn Phủ TUDCTN, và ngược lại chúng ta cũng không thể nói rằng vai trò của Phủ TUDCTN to lớn và quan trọng hơn các cơ quan kia. Điều quan trọng là ở mỗi thời điểm, cuộc di cư từ Bắc vào Nam của đồng bào đặt ra những yêu cầu khách quan cụ thể đòi hỏi phải giải quyết. Ví như, trong thời kì đầu, ngay sau khi Hiệp định Geneva được kí kết, việc cưỡng bức và dụ dỗ đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, cũng như việc tổ chức cho đồng bào tản cư từ vùng do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiểm soát sang vùng do quân Pháp và chính quyền tay sai kiểm soát, cũng như việc tổ chức các trại tập trung cho đồng bào di cư tạm cư trong thời gian chờ di cư vào Nam

tại các địa điểm đầu cầu ở Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng (65) đóng vai trò cực kì quan trọng thì vai trò của Ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương, Hội đồng di cư Bắc Việt và Hội đồng di cư Trung ương là đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, khi làn sóng người di cư vào Nam ngày càng tăng lên, các khu tạm trú tạm cư bị quá tải, việc vận chuyển đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, cũng như việc tiếp tế, tổ chức đón tiếp đồng bào ta trên đường di cư cũng như khi đã di cư đến các địa phương ở phía nam vĩ tuyến 17 và đặc biệt là công cuộc định cư của đồng bào di cư miền Bắc ở các địa phương miền Nam trở nên cực kì quan trọng, thì các cơ quan trên không đủ sức đảm đương. Do vậy, lúc này, đặc biệt là từ sau khi hết thời hạn di cư 300 ngày trở đi, vai trò của Phủ TUDCTN với tư cách là cơ quan ngang Bộ phụ trách toàn diện mọi vấn đề liên quan đến cuộc di cư lại trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Bên cạnh đó, với quy mô to lớn khoảng trên 88 vạn người di cư từ Bắc vào Nam trong một thời gian khá ngắn (khoảng hơn 300 ngày), trong đó trọng tâm là đồng bào Công giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm không chỉ thành lập ra các cơ quan thuộc chính quyền mà còn bảo trợ cho Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam lập ra Ủy ban Hỗ trợ định cư để giúp đỡ chính quyền Ngô Đình Diệm trong công tác định cư đồng bào di cư miền Bắc ở các địa phương miền Nam. Vai trò của tổ chức này cũng vô cùng to lớn, nhất là ở các làng định cư chủ yếu là đồng bào Công giáo miền Bắc, các linh mục và các chức sắc của Thiên chúa giáo vừa là lãnh đạo tinh thần và là những người chủ động phối hợp với các địa phương miền Nam trong việc chọn địa điểm cũng như thiết lập làng định cư cho dân miền Bắc di cư vào Nam. Thông qua Ủy ban Hỗ trợ định cư mà vai trò của giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam vì thế được phát huy mạnh mẽ trong cuộc di cư này. Cũng từ đó, làm cho cuộc di cư này ngoài việc mang bản chất chính trị ra còn mang đậm màu sắc tôn giáo, cụ thể là màu sắc Thiên chúa giáo.

Như vậy, với sự ra đời và hoạt động của các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư nêu trên, cuộc di cư từ Bắc vào Nam của đồng bào miền Bắc sau hiệp định Geneva đã diễn ra với quy mô và mức độ chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Có thể nói, sau hiệp định Geneva, Mĩ - Diệm đã rất thành công trong việc dụ dỗ và cưỡng bức đồng bào miền Bắc di cư vào Nam. Sự thành công này không thể tách rời vai trò của tất cả các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng như của giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam.

Xét về bản chất, các cơ quan phụ trách công cuộc di cư và định cư nêu trên là những công cụ vô cùng hữu hiệu của chính quyền Ngô Đình Diệm trong việc triển khai âm mưu và chiến dịch dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào miền Bắc di cư vào Nam. Đây là những tổ chức "có công" rất lớn đối với cuộc di cư này của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng cũng là tội đồ gây nên sự chia rẽ dân tộc, phân chia Nam Bắc, phá hoại nền độc lập, hòa bình và thống nhất của dân tộc Việt Nam, mà trước hết là phá hoại những thành quả mà dân tộc Việt Nam đã giành được sau chín năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cũng chính những cơ quan này đã góp một cánh tay đắc lực đẩy lịch sử dân tộc vào ngưỡng cửa của một thời kỳ chia cắt kéo dài 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

CHÚ THÍCH

(1). Lê Xuân Khoa là một nhà giáo. Ông bắt đầu nghề dạy học ở Hà Nội năm 1950. Từ năm 1953, ông dạy tại trường Trung học Petrus Ký, Sài Gòn. Sau khi học xong triết học tại Đại Học Sorbonne, ông giảng dạy tại ại học Văn Khoa Sài Gòn và Đại Học Đà Lạt, Minh Đức và Vạn Hạnh. ở Hoa Kỳ, ông cũng từng là giáo sư thỉnh giảng tại trường Đại học Johns Hopkins ở Washington, D.C. Sau đó, ông được nhận làm học giả ngoại trú của Học viện về Chính Sách Quốc tế (FPI) cũng thuộc Đại học Johns Hopkins.

(2). Nguyễn Thị Tuyết Thanh, "Cuộc di cư và định cư của Đồng bào Công giáo miền Bắc sau Hiệp định Geneva (1954-1963)", Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường ĐHKHXH và NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 2019, tr.105

(3). Pentagon Papers, United States - Vietnam Relations 1945- 1967, U.S. Involvement in the Franco-Viet Minh War, 1950-1954, Part III, p.A-43.

(4). Bản thân Ngô Đình Diệm là tín đồ Thiên chúa, sùng đạo và có tư tưởng chống Cộng điên cuồng. Anh trai ông là Ngô Đình Thục là một Giám mục có vị thế rất quan trọng trong lực lượng thiên chúa giáo Việt Nam, có quan hệ gần gũi với Tòa thánh Vatican thông qua quan hệ mật thiết với Hồng Y Spellman. Tham khảo: Nhiều tác giả, 1963-2013 năm mươi năm nhìn lại (Tuyển tập của 99 tác giả và những lời phê phán của 100 nhân chứng về chế độ Ngô Đình Diệm), Tập 1, Garden Grove (USA), Thiên Tri thức Publiccations, 2013, tr.102; Nguyễn Quang Hưng, "Vài nét về lập trường của Tòa Thánh Vatican đối với cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 -1975)"; Nghiên cứu Tôn giáo, số 1-2006, Nguyễn Quang Hưng, "Về sự can thiệp của Hồng Y Spellman trong thời kì chiến tranh Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6-2008.

(5). Phủ TUDCTN, Hoạt động của Phủ TUDCTN trong năm chấp chánh thứ ba của Ngô Tổng thống, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4926.

(6). "*Còn nhớ chăng không*?", Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4432.

(7). Ronal B. Frankum, Jr, *Operation Passage to Freedom: The United States Navy in Vietnam*, 1954-1955, Texas Tech University Press, 2007, pxx-xxi (preface).

(8). "*Còn nhớ chăng không*?", Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4432

(9). Văn bản số 4881-BTC/KT4-C của Bộ trưởng Bộ tài chính gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, ngày 17-12-1956 Về tình hình tài chính của trương mục ngoài ngân sách 'Cứu trợ Đồng bào tỵ nạn", Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/10461.

(10). "*Còn nhớ chăng không*?", Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4432.

(11). Tờ trình số 3149-BTCKT/NS, ngày 24-10-1955 của Bộ Tài Chính trình Thủ tướng Chính phủ Về Chi phí Di cư, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Thủ tướng, Số tài liệu: PTTg/14767; Công văn số 107/TU/TC ngày 19-1-1957 của Phủ TUDCTN trình Tổng thống VNCH Về số thặng chi của Chương mục ngoại ngân Cứu trợ đồng bào tị nạn, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4936.

(12). Công văn phúc trình số 575-TU/DC/KH ngày 20-12-1955 của Chánh Sự vụ Sở Kế hoạch gửi ông Tổng ủy trưởng Phủ TUDCTN, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/22028.

(13). Công văn số 994-TU/HC/M, ngày 22-10-1956 của Phủ TUDCTN gửi Tổng thống VNCH về việc Báo cáo tháng 9-1956, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4401, ĐICH/4423.

(14). Tương đương với vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ ngày nay.

(15). Phủ TUDCTN, Hoạt động của Phủ TUDCTN trong năm chấp chánh thứ ba của Ngô Tổng thống, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4926.

(16). Không phải tất cả đồng bào di cư miền Bắc di cư vào Nam đều được chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức định cư, một bộ phận không nhỏ đồng bào đã chủ động tìm nơi định cư của mình chứ không sinh sống trong các trại định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức. Họ cũng không được hưởng các khoản trợ cấp định cư của chính quyền.

(17). Công văn số 3268/TU/VP ngày 29-6-1956, của Phủ TU DCTN gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống Về các dự án kiện toàn định cư, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4423

(18). Kiện toàn trại định cư là việc chính quyền Diệm dưới sự giúp đỡ của Mĩ, Pháp và các tổ chức từ thiện nước ngoài, tiến hành tổ chức, sắp xếp lại các trại định cư, đồng thời tiến hành giúp đỡ đồng bào định cư ở các trại có sinh kế và cuộc sống ổn định, không cần sự viện trợ của chính phủ, và sớm trở thành trại địa phương như các trại bản địa tại chỗ.

(19). Công văn số 994-TU/HC/M, ngày 22-10-1956 của Phủ TUDCTN gửi Tổng thống VNCH về việc Báo cáo tháng 9-1956, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4401.

(20). Phủ TUDCTN, Hoạt động của Phủ TUDCTN trong năm chấp chánh thứ ba của Ngô Tổng thống, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4926.

(21). Phủ TUDCTN Thống kê công tác định cư từ 1/7/1955 đến 31/3/1956, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/4400.

(22). Phủ Tổng thống, Sắc lệnh số 524-TTP, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa, mã số: ĐICH/1090.

(23). Công văn số 5811/TU/NV ngày 26-12-1957, của Tổng ủy trưởng Phủ TUDCTN gửi các ông Đô trưởng, tỉnh trưởng, thị trưởng Về việc Phủ TUDCTN chấm dứt nhiệm kì, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, Số tài liệu: ĐICH/1235.

(24). Chỉ thị về Di cư Bắc Việt, ngày 23-7-1954 của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Thủ tướng, mã số: PTTg/14613.

(25). Nghị định số 787-PTT/TTK ngày 23 tháng 7 năm 1954 của Thủ tướng Chính phủ Ngô Đình Diệm Về việc Thành lập "ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương", Bộ CC&GT/582.

(26). Nghị định số 787-PTT/TTK ngày 23 tháng 7 năm 1954 của Thủ tướng Chính phủ Ngô Đình Diệm Về việc Thành lập "ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương", Bộ CC&GT/582.

(27). Nghị định số 787-PTT/TTK ngày 23 tháng 7 năm 1954 của Thủ tướng Chính phủ Ngô Đình Diệm Về việc Thành lập "ủy ban đón tiếp đồng bào tản cư và di cư Trung ương", Bộ CC&GT/582.

(28). Kế hoạch di cư Bắc Việt, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Bộ Công chánh và Giao thông, mã số: CC&GT/582.

(29). Thành phần của Hội đồng di cư Bắc Việt bao gồm ông Lê Quang Luật làm Chủ tịch Hội đồng; ông Mai Văn Hàm giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng; ông Nguyễn Văn Thanh làm ủy viên liên lạc; ông Lương Danh Môn làm Tổng Thư kí; ông Đinh Ba Hoàn làm Phó tổng thư kí; Linh mục Mai Ngọc Khuê làm Cố vấn.

Trực thuộc Hội đồng này có các Tiểu ban phụ trách các nhóm công việc cụ thể, bao gồm: Tiểu ban Di cư dân chúng các tỉnh do ông Mai Văn Hàm và Linh mục Mai Ngọc Khuê đứng đầu; Tiểu ban di cư dân chúng và công chức thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Văn Mùi và ông Lê Văn Thanh đứng đầu; Tiểu ban di cư công chức Bắc Việt do ông Nguyễn Đình Tài và Nguyễn Phú Đốc đứng đầu.

Tờ trình của ủy viên phụ trách liên lạc vấn đề di cư trình Bộ trưởng Dinh Thủ tướng ngày 16/8/1954, Hồ sơ Phủ Thủ tướng, Số hiệu 14628, Trung tâm LTQG II.

(30). Nhưng Ông Đinh Bá Hoàn sau đó không nhận việc.

(31). Tờ trình của ủy viên phụ trách liên lạc vấn đề di cư trình Bộ trưởng Dinh Thủ tướng ngày 16-8-1954, Hồ sơ Phủ Thủ tướng, Số hiệu 14628, Trung tâm LTQG II.

(32). Trong đó ông Lê Quang Luật làm Chủ tich danh dự, LM Mai Ngọc Khuê làm Cố vấn, ông Mai Văn Hàm làm Chủ tịch, ông Đỗ Mạnh Quát làm Phó Chủ tịch, ông Trần Văn Bốt làm Thư kí, ông Bùi Công Bát làm Phó Thư kí, ông Trần Văn Mao làm Thủ quỹ, ông Đỗ Ngọc Toàn và Đinh Bá Hoàn làm ủy viên Kiểm soát. Tuy nhiên, Hội đồng này không nhận việc vì Phủ TUDCTN sắp thành lập một Nha đại diện tại Bắc Việt. Biên bản số 21-MTT/M ngày 16-3-1955 Về việc kiểm soát các quỹ ứng trước chi phí di cư tại Bắc Việt, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Thủ tướng, mã số: PTTg/21231.

(33). Bộ tuyên truyền, Tội ác của đế quốc Mĩ, phái thực dân Pháp phản hiệp định và bè lũ Ngô Đình Diệm trong âm mưu cưỡng ép và dụ dỗ đồng bào di cư ở Việt Nam, trang 36.

(34). Bộ tuyên truyền, Tội ác của đế quốc Mĩ, phái thực dân Pháp phản hiệp định và bè lũ Ngô Đình Diệm trong âm mưu cưỡng ép và dụ dỗ đồng bào di cư ở Việt Nam, trang 36.

(35). Bộ tuyên truyền, Tội ác của đế quốc Mĩ, phái thực dân Pháp phản hiệp định và bè lũ Ngô Đình Diệm trong âm mưu cưỡng ép và dụ dỗ đồng bào di cư ở Việt Nam, trang 34-41.

(36). Báo cáo riêng tình hình di cư ở miền Bắc gửi Tổng thống Diệm (bản viết tay) ngày 12-8-1954, ĐICH/12604

(37). Biên bản số 21-MTT/M ngày 16/3/1955 Về việc kiểm soát các quỹ ứng trước chi phí di cư tại Bắc Việt, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ Thủ tướng, mã số: PTTg/21231.

(38). Nghị định số 2561-HCSV của Thủ hiến Nam Việt Về việc thành lập Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư, ngày 19-7-1954, Thủ Hiến Nam Việt/T43-519.

(39). Nghị định số 2561-HCSV của Thủ hiến Nam Việt Về việc thành lập Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư, ngày 19-7-1954, Thủ Hiến Nam Việt/T43-519

(40). Thành phần của Ban Cứu trợ bao gồm: Ông Đỗ Phong Thuần làm Chủ tịch, Ông Phan Ngọ làm thư kí; Ông Bửu Đề phụ trách Tài chính; Bà Võ Thị Vân, ông Nguyễn Văn Đông và ông Nguyễn Văn Đức làm thủ quỹ; Tiểu ban vận tải gồm Bà Hồ Ngọc Nhung, ông Nguyễn Văn Thọ phụ trách; Tiểu ban Cổ động do các ông Phạm Văn Bạch, Lê Văn Ngọ, Trịnh Khánh Vàng phụ trách. Nghị định số 2561-HCSV của Thủ hiến Nam Việt Về việc thành lập Ban Cứu trợ đồng bào Bắc Việt tản cư, ngày 19/7/1954, Thủ Hiến Nam Việt/T43-519.

(41). Bản thảo Chương trình hành động của Ban cứu trợ đồng bào Bắc việt tản cư của ông Đỗ Phong Thuần gửi Thủ Hiến Nam Việt, Thủ Hiến Nam Việt/T43-519.

(42). Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ ở mục 2.2.2 của Phủ TUDCTN chúng ta có thể thấy rõ điểm này.

(43). Việt Nam 1945 – 1995 – Chương 6: Di tản và định cư tị nạn 1954, https://fishbonevn.com/2017/05/25/viet-nam-1945-1995-chuong-6-di-tan-va-dinh-cu-ti-nan-1954/, ngày 6/6/2020

(44). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(45). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(46). Phủ Tổng ủy Di Cư Tị Nạn, Cuộc Di cư Lịch sử tại Việt Nam, Saì-gòn, 1957, 68, dẫn lại: Việt Nam 1945 – 1995 – Chương 6: Di tản và định cư tị nạn 1954, https://fishbonevn.com/2017/05/25/viet-nam-1945-1995-chuong-6-di-tan-va-dinh-cu-ti-nan-1954/, 2018

(47). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn trước ngày 17-9-1955, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/16

(48). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(49). Văn phòng bao gồm: Phòng Văn thư, Phòng Bí thư; Sở hành chính gồm có Phòng Nhân viên, Phòng Sưu tầm nghiên cứu; Nha Tài chính Sự vụ gồm có Sở Kế toán tổng quát (với 2 phòng Kế toán lương và Ban vật liệu), và Sở tiếp trợ (với Ban Chuyển vận và Ban Tiếp liệu); Ban Nghiên cứu kĩ thuật và kế hoạch chỉ còn Ban Nghiên cứu

kĩ thuật; Nha Định cư gồm có Sở kế hoạch, Sở Y tế Xã hội, Sở Kiểm tra và Ban Tiếp cư. Tham khảo : Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn trước ngày 17-9-1955, Phủ TUDCTN/16.

(50). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15.

(51). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15.

(52). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(53). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(54). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(55). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(56). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15

(57). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Lược đồ ủy Ban định cư Tỉnh, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số : TUDCTN/16.

(58). Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn, Tài liệu học tập hành chính tổng quát lớp huấn luyện cán bộ cao cấp, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II Việt Nam, Phông Phủ TUDCTN, mã số: TUDCTN/15.

(60). Phông Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954 - 1963), Hồ sơ số 21405.

(59), (61). Nguyễn Thị Tuyết Thanh, "Cuộc di cư và định cư của Đồng bào Công giáo miền Bắc sau Hiệp định Geneva (1954-1963)", Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường ĐHKHXH và NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, 2019, tr.105.

(62). Việt Nam 1945 – 1995 – Chương 6: Di tản và định cư tị nạn 1954, https://fishbonevn.com/2017/05/25/viet-nam-1945-1995-chuong-6-di-tan-va-dinh-cu-ti-nan-1954/, ngày 25/6/2018.

(63). Văn phòng ủy ban Hỗ trợ định cư, Sổ các làng định cư, ấn hành 9-1955, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Phông Phủ Thủ tướng,

(64). Ở miền Bắc hình thành nên các trung tâm, còn được gọi là các trại tập trung đồng bào di cư ở các tỉnh miền Bắc, trong đó Hà Nội và Hải Phòng là hai đầu mối giao thông quan trọng về đường thủy (Hải Phòng) và đường hàng không (Hà Nội) đã hình thành nên rất nhiều trại tập trung dân di cư để chuẩn bị đáp tàu hoặc máy bay vào Nam.

(65). Hiệp định Geneva quy định lực lượng Liên hiệp Pháp và Việt Minh có 300 ngày để thực hiện chuyển quân tập kết, tuy nhiên thời hạn ở một số địa điểm quan trọng là khác nhau. ở miền Bắc, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, lực lượng Liên hiệp Pháp phải rút khỏi Hà Nội trong vòng 80 ngày, Hải Dương là 100 ngày và Hải Phòng là nơi lực lượng Liên hiệp Pháp được ở lại lâu nhất với 300 ngày, do đó Hà Nội, Hải Dương và sau đó là Hải Phòng là những những đầu mối tập trung đồng bào Bắc Việt để di cư vào Nam.